

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy
Mã đơn vị: 1046370
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Quyền sử dụng đất tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy	26.469,0	104.816.052		26.468,7																
2	Căn tin									2023	61,6	395.403	342.656				61,6				
3	Căn tin trước cổng bệnh viện tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2004	63,0	56.364					63,0				
4	Khoa Giải phẫu bệnh lý + PHCN tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	562,0	2.988.167	795.749	562,0							
5	Khoa Truyền nhiễm tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	889,0	4.712.358	1.254.901	889,0							
6	Khu điều trị nội trú (Ngoại + Sản + YHCT)									2014	5.493,0	33.500.119	18.760.066	5.493,0							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
7	Ngôi nhà (Khu CLS-PTGMHS) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2007	1.179,0	4.705.588	1.673.157	1.179,0								
8	Ngôi nhà A (nhà làm việc) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									1987	1.110,0	3.135.033		1.110,0								
9	Ngôi nhà B (Khoa KB-Dược-LCK) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									1998	1.053,0	1.175.537			1.053,0							
10	Ngôi nhà D (phòng bơm ruột)									1987	18,0	17.247			18,0							
11	Ngôi nhà E, G (Khoa Nội - Nhi- Ngoại - Sản) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									1987	2.293,0	5.046.122			2.293,0							
12	Ngôi nhà F									1987	385,0	430.261			385,0							
13	Ngôi nhà H (kho + căn tin -Khoa KSNK)									1987	637,0	1.007.125	60.910		637,0							
14	Ngôi nhà Khoa dinh dưỡng tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2018	370,9	969.000	515.411		33,7		337,2					
15	Nhà bao che lò đốt rác tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2008	54,0	237.701	1.930		54,0							
16	Nhà bảo vệ									1987	26,0	25.333			26,0							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
17	Nhà để hệ thống lọc nước tinh tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2016	22,5	33.404	13.352	22,5							
18	Nhà để xe 2 bánh nhân viên tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2008	38,0	14.703			38,0						
19	Nhà để xe đạp, xe gắn máy nhân viên									1987	134,0	33.450			134,0						
20	Nhà để xe nhân viên tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2010	65,0	27.867	223		65,0						
21	Nhà oxy trung tâm tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2008	40,0	263.611			40,0						
22	Nhà phơi chiếu (bao gồm: nhà tiền chế mái vòm + tole vách 4 mặt + giá phơi đồ) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2016	35,0	28.684	11.465	35,0							
23	Nhà tiền chế tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2015	49,2	18.942	6.308		49,2						
24	Nhà tiền chế (Nhà để hệ thống lọc nước) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2005	78,0	24.808			78,0						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
25	Nhà tiền chế phòng bắt số tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2011	1,0	13.520	987		1,0						
26	Nhà vệ sinh (gần Khoa cấp cứu)									1999	45,0	82.245			45,0						
27	Nhà xác									1987	59,0	56.914			59,0						
28	Nhà xe khách (bãi giữ xe) tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	675,0	740.430	197.325				675,0				
29	Nhà xe nhân viên tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	361,0	396.217	105.512	361,0							
30	Phòng điều trị phạm nhân + nhà xe ô tô + kho tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	373,0	2.109.561	561.776	373,0							
31	Phòng khám đông y + thu viện phí tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2007	132,0	377.413			132,0						
32	Trạm biến thế - nhà máy phát điện tại KP1, Phường 4, TX Cai Lậy									2014	16,0	226.514	60.321	16,0							
	Tổng cộng:	26.469,0	104.816.052		26.468,7						16.318,2	62.849.640	24.362.048	10.040,5	5.140,9		1.136,8				

Người lập
(Ký, họ tên)

Lê Thị Kim Chi

Ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Luận

Q. GIÁM ĐỐC

TÊN GIỮ